

Bản án số: 96/2017/HNGĐ - ST  
Ngày: 16 - 8 - 2017.  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Phương.

*Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Đào Văn Rạng.

- Ông Đàm Văn Kiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2017/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017. Về vụ án xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXX-ST ngày 28/7/2017 giữa các đương sự.

+ **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn M - Sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Xóm 1 T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ **Bị đơn:** Chị Bùi Thị N - Sinh năm: 1969;

ĐKKHKT: Xóm 1 T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Không có địa chỉ.

Tại phiên tòa vắng mặt anh M và chị N.

**NHẬN THẤY**

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn M vắng mặt (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của anh Trần Văn M tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị Bùi Thị N vào tháng 09/1992, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống vợ chồng đã xảy ra xô xát cãi, đánh chửi nhau. Tháng 9/1993 trong

khi anh M đang đi làm ăn xa thì chị N để con nhỏ ở lại tự ý bỏ nhà, đi khỏi địa phương, cắt đứt mọi liên lạc với anh M cũng như mọi người trong gia đình. Anh và gia đình đã nhiều lần đi tìm kiếm nhưng không có tin tức gì. Anh đã báo cho chính quyền UBND xã N, nhiều lần anh và gia đình đã tìm kiếm nhưng không biết chị N ở đâu làm gì. Anh đã làm thủ tục thông báo nhỡ tìm chị N trên báo, đài ở Trung Ương nhưng vẫn không thấy chị N trở về. Ngày 06/06/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã mở phiên họp tuyên bố chị Bùi Thị N mất tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N là không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị N.

Về con chung anh M xác định giữa anh và chị N có một con chung là cháu Trần Thị Q sinh ngày 18/01/1993, vợ chồng ly hôn do con Q đã trưởng thành lao động tự lập được nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng anh M khai vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh M đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Anh M có đơn xin ly hôn, chị N đã bỏ đi và bị tuyên bố mất tích vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thị Q sinh ngày 18/01/1993. Ly hôn do cháu Q đã trưởng thành lao động tự lập được nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên anh M phải nộp.

## **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Văn M và chị Bùi Thị N vào tháng 9/1992, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do tính tình không

hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc chị N đã tự ý bỏ đi từ tháng 9/1993 cho đến nay. Nhiều lần anh M và gia đình đã tìm kiếm nhưng không biết chị N ở đâu làm gì. Anh đã làm thủ tục thông báo nhần tìm chị N trên báo, đài ở Trung Ương nhưng vẫn không thấy chị N trở về. Ngày 06/6/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã mở phiên họp tuyên bố chị Bùi Thị N mất tích. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn. Thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Văn M và chị Bùi Thị N đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được anh M có đơn xin ly hôn nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn M và chị Bùi Thị N có một con chung là cháu Trần Thị Q sinh ngày 18/01/1993. Vợ chồng ly hôn do cháu Q đã trưởng thành lao động tự lập được nên anh M không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Trần Văn M xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn M phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa anh Trần Văn M và chị Bùi Thị N.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm anh Trần Văn M phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: BB/2012/06061 ngày 26/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Phạm Hùng Phương**